TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2019/HS-ST
Ngày 06/03/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Thị Quế.**
2. Ông **Phạm Quang Đôn.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Quàng Văn Long** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà:*** Bà **Nguyễn Thị Thanh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **18/**2019/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **17**/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Văn H**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 13 tháng 08 năm 1989, tại tỉnh B. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Đội 5B, xã Thanh Luông, huyện B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Bẩy- sinh năm 1969 và bà Mai Thị Hồi - sinh năm 1967; Vợ Cà Thị Mạnh- sinh năm 1994 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 15/8/2018 bị tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ. Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 14/9/2018 Tạ Văn H bị Công an TP Đ, tỉnh B xử phạt hành C về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định số: 68/QĐ-XPVPHC. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/11/2018 cho đến ngày xét xử *(có mặt tại phiên tòa)*.

** Những người Bị hại gồm:*

- Bà **Nguyễn ThịN -** sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ dân phố 05, phường Thanh Trường, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt có lý do).

- Ông **Đào Duy C -** sinh năm 1972 ; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ dân phố 05, phường Thanh Trường, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt có lý do).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Tạ Thị Kim O -** Sinh năm 1995; Địa chỉ: Đội 5B, xã Thanh Luông, huyện B, tỉnh B (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.Về hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Văn H:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/11/2018 bị cáo Tạ Văn H mượn xe máy điện nhãn hiệu:DK; Số loại: SUNNY; Màu sơn: Đen, BKS: 27MĐ1- 022.37; Số máy: 00w0160600784; Số khung: EKTAGSB 00748 của em gái H tên là Tạ Thị Kim O; Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Đội 5B, xã Thanh Luông, huyện B, tỉnh B để đưa chăn màn cho bạn đang nằm điều trị bệnh tại viện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B và được O đồng ý. Sau đó H một mình điều khiển xe máy điện từ nhà thuộc Đội 5B, xã Thanh Luông, huyện B, tỉnh B đi đến gần khu vực cây xăng A1 thuộc tổ 5, phường T, TP Đ, tỉnh B, H nhìn vào nhà kho cạnh cửa hàng bán vật liệu xây dựng Linh Hồng Việt (do chị Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1985; HKTT: Tổ 14, phường Nam Thanh, TP Đ, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 15, tổ 5, phường T, TP Đ, tỉnh B làm chủ cửa hàng) thấy không khóa cửa. H dừng xe lại quan sát xung quanh không thấy có người trông coi, H nảy sinh ý định vào nhà kho để trộm cắp tài sản. Bị cáo điều khiển xe đi vào sân nhà kho và dựng xe cách cửa nhà kho khoảng 05m, đi bộ về phía cửa nhà kho thấy cửa nhà kho khép hờ H dùng hai tay kéo mở cánh cửa ra khoảng 50cm, rồi đi vào trong nhà kho. H thấy có nhiều thanh sắt, giàn giáo và một máy nghiền bột màu sơn xanh để dưới nền nhà kho cách cửa ra vào khoảng 05m Bị cáo tiến đến chiếc máy nghiền bột dùng hai tay bê chiếc máy nghiền bột lên và mang ra khỏi nhà kho và để chiếc máy nghiền bột trên vào chỗ để chân của chiếc xe máy điện, H đang lên xe máy điện để chuẩn bị mang chiếc máy nghiền bột đi bán thì bị anh Đào Duy C: Sinh năm: 1972 và vợ là Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1985; cùng có HKTT: Tổ 14, phường Nam Thanh, TP Đ, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 15, tổ 5, phường T, TP Đ, tỉnh B đang ngồi tại cửa hàng bán vật liệu xây dựng Linh Hồng Việt cách nhà kho khoảng 15m phát hiện. Anh C và chị N chạy sang nhà kho thấy H đang đứng cạnh chiếc xe máy điện và trên xe máy điện có chiếc máy nghiền bột của nhà mình anh C nói với H: "Ban ngày ban mặt mà mày dám vào đây trộm cắp à" đồng thời chị N tiến tới rút chiếc chìa khóa điện ra khỏi ổ khóa điện của xe máy điện. Sau đó chị N gọi điện thoại trình báo Công an phường T. H nói với anh C "Cho em xin lỗi để em gọi người nhà đến giải quyết" nhưng anh C và chị N không đồng ý và yêu cầu ở lại để Cơ quan Công an đến giải quyết. H sợ nên bỏ lại xe máy điện và đi bộ về hướng cầu A1, đi được khoảng 200m thì bị tổ công tác Công an phường T yêu cầu về trụ sở để làm rõ vụ việc. Tại Cơ quan Công an Tạ Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của bản thân như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: **02a**/QĐ ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B xác định: 01 (Một) máy nghiền bột màu xanh, cao 74cm, khung máy hàn bằng sắt cao 34cm, dài 55cm, rộng 21cm, phần thân máy hình trụ tròn có kích thước 22 x22cm, phễu cao 40cm, máy mới chưa qua sử dụng, phần vỏ máy bị han gỉ, bám bụi, máy không có mô tơ điện,có giá trị tại thời điểm bị mất trộm ngày 26/11/2018 là **1.200.000 đồng** *(Một triệu hai trăm nghìn đồng).*

Trong quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng vụ án: 01(Một) máy nghiền bột màu xanh cao 74cm, kèm theo khung máy hàn bằng sắt cao 34cm, dài 55cm, rộng 21cm, phần thân máy hình trụ tròn có phễu cao 40cm, đường kính 33cm x 20cm, phần phễu hình vuông, kích thước 22cm x 22cm, chưa qua sử dụng, vỏ máy bị han gỉ, bám bụi bẩn.

01 (Một) xe máy điện, BKS 27MĐ1- 02237; Màu sơn: Đen; Nhãn hiệu DK; Số loại: SUNNY; Số máy: 00w0160600784; Số khung: EKTAGSB 00748 xe cũ đã qua sử dụng, kèm chìa khóa xe và 01(Một) chứng nhận đăng ký xe máy điện. Số: 037473 mang tên Tạ Thị Kim O do chị O tự nguyện giao nộp.

Ngày 03/01/2019 Cơ quan CSĐT- Công an TP Đ, tỉnh B đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1985; HKTT: Tổ 14, phường Nam Thanh, TP Đ, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 15, tổ 5, phường T, TP Đ, tỉnh B chủ hữu tài sản. Sau khi nhận lại tài sản, chị N không yêu cầu bị cáo Tạ Văn H bồi thường thiệt hại gì khác và không yêu cầu Tòa án nhân dân TP Đ giải quyết nội dung dân sự giữa chị N và bị cáo H và xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

Cũng trong ngày 03/01/2019 Cơ quan CSĐT - Công an TP Đ, tỉnh B đã trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan 01 (Một) xe máy điện, BKS 27MĐ1-02237; Màu sơn: Đen; Nhãn hiệu DK; Số loại: SUNNY; Số máy: 00w0160600784; Số khung: EKTAGSB 00748 xe cũ đã qua sử dụng, 01 chìa khóa xe và 01 chứng nhận đăng ký xe máy điện. Số: 037473 mang tên Tạ Thị Kim O; Sinh năm: 1995; HKTT và chỗ ở: Đội 5B, xã Thanh Luông, huyện B, tỉnh B là chủ sở hữu tài sản. Sau khi nhận lại tài sản chị O không yêu cầu Tòa án nhân dân TP Đ giải quyết nội dung dân sự giữa chị O và bị cáo.

Bản cáo trạng số: **16**/CT- VKSTPĐBP ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn H: 12 đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 2 Điều 56 BLHS tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số: 187/2018/ HSST, ngày 15/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B là 09 tháng 29 ngày Cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 03 tháng 09

ngày tù. Bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là: 15 tháng 09 ngày đến 18 tháng 09 ngày tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Áp dụng: Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Tạ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị hại chị Nguyễn Thị N, anh Đào Duy C; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Tạ Thị Kim O.

Xét thấy chị N, anh C, chị O đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra chị N, anh C, chị O đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng chị N, anh C, chị O theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Tạ Văn H, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 26/11/2018, tại khu vực tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ Tạ Văn H đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Nguyễn Thị N và anh Đào Duy C với giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là: 1.200.000 đồng

chưa kịp đi tiêu thụ thì bị chủ sở hữu là anh chị Đào Duy C và Nguyễn Thị N phát hiện, giữ chìa khóa xe. H để lại xe và tài sản vừa lấy trộm rồi bỏ đi, khoảng 200 mét thì bị Công an phường T đưa về trụ sở làm việc. Tạ Văn H đã có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản cụ thể: Ngày 15/8/2018, H bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử về tội trộm cắp tài sản, áp dụng Điều 36, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự xử phạt 12 tháng Cải tạo không giam giữ, H đã chấp hành từ 17/9/2018 đến ngày (26/11/2018) là 02 tháng 01 ngày đến nay chưa thi hành là 09 tháng 29 ngày Cải tạo không giam giữ. Bị cáo đã chấp hành xong tiền án phí và có 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, vi phạm pháp luật.

Như vậy,Tạ Văn H đã phạm tội mới khi chưa được xóa án tích. Điểm a, b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm":*

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành C về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này ...., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;"

Hành vi trên của bị cáo được chứng minh tại: Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Tạ Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Tạ Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2.2]. **Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Bị cáo Tạ Văn H sinh ra và lớn lên tại tỉnh B được gia đình nuôi dưỡng ăn học hết lớp 12/12 thì ở nhà. Năm 2014 bị cáo bắt đầu sử dụng và nghiện chất ma túy. Năm 2014 xây dựng gia đình với chị Cà Thị Mạnh sinh được một người con (hiện đã ly hôn); Ngày 21/7/2011 Tạ Văn H bị Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, TP Hà Nội xử phạt 24 tháng tù giam về "Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy". Ngày 02/12/2012 chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống; Ngày 15/8/2018 Tạ Văn H bị tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, ngày 17/9/2018 bị cáo H chấp hành Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ số: 268/2018/QĐ-CA của Tòa àn nhân dân huyện B, tỉnh B tại xã Thanh Luông, huyện B, tỉnh B; Ngày 14/9/2018

Tạ Văn H bị Công an TP Đ xử phạt hành C về hành vi "Trộm cắp tài" sản theo Quyết định số: 68/QĐ-XPVPHC. Bị cáo là đối tượng nghiện hút, lười lao động, chưa được xóa án lại tích lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn) là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an trên địa bàn TP Đ.

Tại bản án số: 187/2018/ HSST, ngày 15/08/2018 Tạ Văn H bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B sự xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo H đã chấp hành từ 17/9/2018 đến ngày (26/11/2018) là 02 tháng 01 ngày đến nay chưa thi hành là 09 tháng 29 ngày Cải tạo không giam giữ. Như vậy, phần hình phạt bị cáo chưa chấp hành là 09 tháng 29 ngày cải tạo không giam giữ. Quy đổi 03 ngày cải tạo không giam giữ bằng 01 ngày tạm giam là 03 tháng 09 ngày tù.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện lao động, học tập, cải tạo sửa chữa lỗi lầm để trở người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời đây cũng là điều kiện thuận lợi để bị cáo từ bỏ được ma túy sớm trở lại hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Bị cáo Tạ Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, mẹ đẻ bị cáo được Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo tặng huy chương vì sự nghiệp giáo dục, bản thân người bị hại sau khi nhận lại tài sản cũng đã xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị Cáo, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt C Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, song xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Bị hại là chị Nguyễn Thị N, anh Đào Duy C đã nhận lại toàn bộ tài sản, sau khi nhận lại tài sản, chị N, anh C không yêu cầu bị cáo Tạ Văn H bồi thường về trách nhiệm dân sự;

01 xe máy điện, BKS 27MĐ1- 02237; Màu sơn: Đen; Nhãn hiệu DK; Số loại: SUNNY; Số máy: 00w0160600784; Số khung: EKTAGSB 00748 xe cũ đã qua sử dụng, 01 chìa khóa xe và 01 chứng nhận đăng ký xe máy điện. Số: 037473 mang tên Tạ Thị Kim O, đã qua sử dụng, là tài sản riêng của chị O cho bị cáo mượn xe nhưng không biết H sử dụng xe vào việc phạm tội, Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Sau khi nhận lại tài sản chị O không yêu cầu Tòa án nhân dân TP Đ giải quyết nội dung dân sự giữa chị O và bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại là chị Nguyễn Thị N, anh Đào Duy C; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Tạ Thị Kim O xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Xét đề nghị của chị N, anh C, chị O là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Tạ Văn H: **12 (mười hai) tháng tù** về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số: 187/2018/ HSST, ngày 15/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B. Buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là: **15 tháng 09 ngày tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 29/11/2018).

2. Về vật chứng: Chấp nhận biên bản về việc trả lại tài sản ngày 03/01/2019 của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, tỉnh B cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Tạ Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/03/2019).

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TP Đ;
- VKSND tỉnh B;
- Những người tham gia tố tụng;
- CA TP ĐB Phủ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Toà án ND tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan